HTÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/ 02/ 2020
"*V/v tranh chấp ly hôn* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh

***Hội thẩm nhân dân*:**

- Ông Lê Minh Cheo.

- Ông Chế Thị Hồng Cẩm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền - thư ký tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly.

Ngày 14/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc " *Tranh chấp ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số: 02/ TB-TA ngày 03/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 7, khóm B, thị trấn TT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 7, khóm B, thị trấn TT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

(Tại phiên tòa bà Ng có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 7 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, chị Trần Thị Ng trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T quen biết, tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới khoảng tháng 3 năm 2010 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn. Thời gian đầu cuộc sống chung cũng không hạnh phúc nhưng đến ngày 08/3/2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T khi nhậu rượu về nhà thường quậy, đập phá đồ đạc trong nhà nên từ đó chị cảm thấy sợ sệt, nhiều lần như thế cứ nhậu là đập phá đồ đạc trong nhà nên cuộc sống vợ chồng cứ diễn ra như vậy, có lần chị cũng nhờ Công an xã Lương Phi can thiệp khi anh T đang đập phá nên cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân chị và anh T có gặp nhau nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn trong quá trình tố tụng anh Phạm Văn T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Ng về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh nhậu nhẹt và có đập đồ đạc khi sỉn rượu và đồng thời anh hứa sẽ cố gắng sửa đổi lại việc nhậu nhẹt. Nên về hôn nhân anh không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị Ng. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Anh và chị Ng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên Tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử*: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T là bị đơn có nơi cư trú: Tổ 7, khóm An Bình, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa có ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T, tại phiên tòa hôm nay anh T văng mặt không lý do, tòa án tiến hành xét xử văng mặt anh T theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Chị Ng cho rằng Vào năm 2009 bà và ông T quen biết nhau do tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và năm 2010 có đăng ký kết hôn số 39, quyển sổ 01 tại UBND thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tại thời điểm kết hôn chị Ng và anh T đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo chị Ng cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng không hạnh phúc, vào ngày 08/3/2011 thì chị Ng và anh T phát sinh mâu thuẫn, do khi nhậu về nhà anh T thường quậy phá đập đồ đạc nên từ đó chị Ng cảm thấy sợ sệt nên cuộc sống vợ chồng cứ diễn ra như vậy, còn lần chị Ng cũng nhờ Công an xã Lương Phi can thiệt khi anh T đang đập phá, nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện tại chị và anh T sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị và anh Thân có gặp nhau nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay tình cảm giữa chị và anh T không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh và chị Ng không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ; trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Ng vẫn cương quyết ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc, do đó yêu cầu ly hôn của chị Ng đối với anh T là có căn cứ, nên Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Ng và anh T cùng xác nhận là tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị Ng và anh T cùng xác nhận là không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Ng khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, khoản 2 Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Ng đối với anh Phạm Văn T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Ng được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. *Về án phí*: Chị Trần Thị Ng chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2016/0012104 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh